

BẢN CHẤT PHÁP LÝ CỦA THUẾ CHỐNG BÁN PHÁ GIÁ HÀNG HOÁ NHẬP KHẨU VÀO VIỆT NAM

THS. ĐOÀN TRUNG KIÊN *

1. Trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, một mặt chúng ta phải thực hiện nghiêm túc các cam kết về việc mở cửa thị trường, loại bỏ dần các hàng rào phi thuế quan theo các cam kết song phương và đa phương để hướng tới hệ thống thương mại đa biên tự do hơn, mặt khác chúng ta cũng cần phải có những cơ chế bảo hộ mới phù hợp với thông lệ quốc tế, nhằm bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của các nhà sản xuất trong nước cũng như quyền và lợi ích của người tiêu dùng khi xảy ra hành vi cạnh tranh không lành mạnh trong thương mại quốc tế. Cơ chế bảo hộ đó chính là các biện pháp phòng vệ thương mại, trong đó có biện pháp chống bán phá giá.⁽¹⁾ Nhận thức được điều này, ngày 29/4/2004 Ủy ban thường vụ Quốc hội đã thông qua Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam. Pháp lệnh này quy định hầu hết các nội dung liên quan đến chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam, từ các quy định về việc xác định hành vi bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam, các quy định về thủ tục điều tra để áp dụng các biện pháp chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam đến các quy định về thẩm quyền của cơ quan thực thi pháp luật về chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam. Bài viết này tập trung phân tích những dấu hiệu pháp lý của thuế chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam để nhận diện sắc thuế này

trong hệ thống các sắc thuế ở Việt Nam.

2. Trên thế giới, thuế chống bán phá giá đã được biết đến từ đầu thế kỉ XX, trước hết là Canada năm 1904, tiếp đến là New Zealand năm 1905, Australia năm 1906, Mỹ (1916)... Tuy nhiên phải đến năm 1998 loại thuế này mới được pháp luật Việt Nam ghi nhận. Đó là việc Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 1998⁽²⁾ quy định khoản thuế nhập khẩu bổ sung đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam bán phá giá. Theo đó, đối với hàng hoá được nhập khẩu vào Việt Nam với giá bán quá thấp so với giá thông thường (do được bán phá giá), gây khó khăn cho sự phát triển ngành sản xuất hàng hoá tương tự của Việt Nam, ngoài việc phải chịu thuế suất thuế nhập khẩu còn phải chịu thuế bổ sung. Mức thuế bổ sung do Chính phủ trình Ủy ban thường vụ Quốc hội xem xét.⁽³⁾ Hiện nay, việc áp dụng thuế suất thuế nhập khẩu bổ sung trong trường hợp này được quy định tại Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam và được gọi là thuế chống bán phá giá.⁽⁴⁾ Như vậy, thuế chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam không phải là sắc thuế mới trong hệ thống các sắc thuế ở Việt Nam mà thực chất chính là “*thuế nhập khẩu bổ sung được áp dụng trong trường hợp hàng hoá bị bán phá*

* Giảng viên Khoa pháp luật kinh tế
Trường Đại học Luật Hà Nội

giá nhập khẩu vào Việt Nam gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước”.⁽⁵⁾ Nói cách khác, đây là khoản thuế nhập khẩu bổ sung bên cạnh thuế nhập khẩu thông thường do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam áp đặt đối với hàng hoá nhập khẩu được xác định là đã bán phá giá vào Việt Nam, nhằm mục đích chống lại việc bán phá giá đó và loại bỏ những thiệt hại do hành vi nhập khẩu bán phá giá gây ra cho ngành sản xuất trong nước.

3. Với bản chất là thuế suất thuế nhập khẩu bổ sung nên thuế chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam có những đặc điểm chung của thuế nhập khẩu thông thường,⁽⁶⁾ bên cạnh đó, loại thuế này cũng có những điểm đặc thù sau:

- Về đối tượng chịu thuế: Theo khoản 3 Điều 5 Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam: “Biện pháp chống bán phá giá chỉ được áp dụng trực tiếp đối với hàng hoá bán phá giá vào Việt Nam theo quy định của Pháp lệnh này”. Như vậy, hàng hoá là đối tượng bị áp dụng thuế chống bán phá giá là hàng hoá bị bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam. Theo Điều 3 Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam, hàng hoá bị bán phá giá nhập khẩu vào Việt Nam là:

“1. Hàng hoá có xuất xứ từ nước hoặc vùng lãnh thổ bị coi là bán phá giá khi nhập khẩu vào Việt Nam nếu hàng hoá đó được bán với giá thấp hơn giá thông thường theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 của Điều này.

2. Giá thông thường của hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam là giá có thể so sánh được của hàng hoá tương tự đang được bán

trên thị trường nội địa của nước hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu theo các điều kiện thương mại thông thường.

3. Trong trường hợp không có hàng hoá tương tự được bán trên thị trường nội địa của nước hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu hoặc có hàng hoá tương tự được bán trên thị trường nội địa của nước hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu nhưng với khối lượng, số lượng hoặc trị giá hàng hoá không đáng kể thì giá thông thường của hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam được xác định theo một trong hai cách sau đây:

a) Giá có thể so sánh được của hàng hoá tương tự của nước hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu đang được bán trên thị trường của một nước thứ ba trong các điều kiện thương mại thông thường;

b) Giá thành hợp lý của hàng hoá cộng thêm các chi phí hợp lý khác và lợi nhuận ở mức hợp lý, xét theo từng công đoạn từ sản xuất đến lưu thông trên thị trường của nước hoặc vùng lãnh thổ xuất khẩu hoặc nước thứ ba”.

Việc xác định hàng hoá bị phá giá nhập khẩu vào Việt Nam là vấn đề hết sức phức tạp, pháp luật về chống bán phá giá của các nước thường có những quy định khác nhau về vấn đề này. Tuy nhiên, hầu hết các nước có quan điểm dựa trên tinh thần “không tự trói mình”. Vì vậy, pháp luật của các nước thường không quy định chi tiết, cụ thể việc xác định khối lượng hàng hoá tương tự được tiêu thụ trên thị trường nội địa của nước xuất khẩu, phương pháp xác định giá trị hàng hoá... để dễ dàng, linh hoạt hơn khi vận dụng và xử lý đối với từng vụ việc cụ thể.⁽⁷⁾

- Về đối tượng nộp thuế chống bán phá

giá: Theo mục II, Thông tư của Bộ tài chính số 106/2005/TT-BTC ngày 5/12/2005 về hướng dẫn thu, nộp, hoàn trả thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp và các khoản bảo đảm thanh toán thuế chống bán phá giá, thuế chống trợ cấp thì tổ chức, cá nhân nhập khẩu hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế chống bán phá giá theo quyết định của Bộ trưởng Bộ thương mại (nay là Bộ trưởng Bộ công thương) là đối tượng nộp thuế chống bán phá giá.

- Về thẩm quyền áp dụng thuế chống bán phá giá: Pháp luật chống bán phá giá của các nước đều quy định rõ thẩm quyền áp dụng thuế chống bán phá và thông thường thẩm quyền này thuộc về những cơ quan quản lý nhà nước về thương mại. Chẳng hạn theo pháp luật chống bán phá giá của Hoa Kỳ, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá là Bộ thương mại Hoa Kỳ (DOC). Theo pháp luật chống bán phá giá của Trung Quốc, cơ quan có thẩm quyền ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá là Bộ ngoại thương và hợp tác kinh tế (MOFTEC). Phù hợp với thông lệ đó, Pháp lệnh chống bán phá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam quy định người có thẩm quyền ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá là Bộ trưởng Bộ công thương. Dựa vào kết luận của cơ quan điều tra và kiến nghị của Hội đồng xử lý vụ việc chống bán phá giá, Bộ trưởng Bộ công thương có quyền ra quyết định áp dụng biện pháp thuế chống bán phá giá.⁽⁸⁾

- Về điều kiện áp đặt thuế chống bán phá giá: Để tránh lạm dụng việc áp dụng các biện pháp chống bán phá giá vì mục tiêu bảo hộ một số ít các nhà sản xuất nội địa, Hiệp định chống bán phá giá của WTO

(ADA) quy định biện pháp chống bán phá giá chỉ được áp dụng khi nước nhập khẩu của thành viên WTO chứng minh được ba điều kiện sau: 1) Có hành vi bán phá giá; 2) Có thiệt hại vật chất đối với ngành sản xuất của nước nhập khẩu đang cạnh tranh trực tiếp với hàng nhập khẩu và 3) Có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi bán phá giá với thiệt hại vật chất nói trên. Còn theo pháp luật chống bán phá giá của Liên minh châu Âu, để áp dụng thuế chống bán phá giá cần có đủ bốn điều kiện: 1) Hàng hoá nhập khẩu bị bán phá giá vào Liên minh châu Âu; 2) Ngành sản xuất sản phẩm tương tự với hàng nhập khẩu đó bị thiệt hại đáng kể; 3) Có mối quan hệ nhân quả giữa việc hàng nhập khẩu bị bán phá giá và thiệt hại này; 4) Việc áp dụng thuế chống bán phá giá đáp ứng được các lợi ích của cộng đồng.

Phù hợp thông lệ trên, khoản 2 Điều 5 Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam quy định: "*Việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá chỉ được thực hiện khi đã tiến hành điều tra và phải dựa trên các kết luận điều tra được quy định tại Chương II của Pháp lệnh này*". Nguyên tắc này buộc cơ quan có thẩm quyền không thể tùy tiện áp dụng biện pháp chống bán phá giá đối với bất kì hàng hoá nào của tổ chức, cá nhân sản xuất hoặc xuất khẩu hàng hoá vào Việt Nam. Thuế chống bán phá giá chỉ được áp dụng sau khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Việt Nam tiến hành điều tra để áp dụng biện pháp chống bán phá giá về các nội dung liên quan đến hàng hoá bán phá giá vào Việt Nam, biên độ bán phá giá và mức độ thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt

hại đáng kể cho ngành sản xuất hàng hoá tương tự trong nước. Nếu kết luận cuối cùng của cơ quan điều tra cho thấy đã hội tụ đủ điều kiện: 1) Xác định được hàng hoá bán phá giá vào Việt Nam với biên độ phá giá vượt quá 2% giá xuất khẩu hàng hoá đó vào Việt Nam; 2) Xác định mức độ thiệt hại đáng kể hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất hàng hoá tương tự trong nước; 3) Xác định mối quan hệ nhân quả giữa việc bán phá giá và thiệt hại này thì trên cơ sở kiến nghị của Hội đồng xử lý vụ việc, Bộ trưởng Bộ công thương có thể ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá. Trong trường hợp cần thiết, nhằm ngăn chặn những hậu quả xấu có thể tiếp tục xảy ra trong quá trình điều tra, căn cứ vào kết luận sơ bộ của cơ quan điều tra, Bộ trưởng Bộ công thương có thể ra quyết định áp dụng thuế chống bán phá giá tạm thời trước khi có quyết định cuối cùng về việc áp dụng thuế chống bán phá giá.

- Về thuế suất thuế chống bán phá giá: Bản chất của thuế chống bán phá giá là khoản thuế bổ sung bên cạnh thuế nhập khẩu thông thường đánh vào hàng hoá nước ngoài bán phá giá vào thị trường nước nhập khẩu làm cho giá cả của hàng hoá đó được đẩy lên ngang bằng với giá trị hợp lý của chúng, để giảm bớt thiệt hại cho ngành sản xuất hàng hoá tương tự của nước nhập khẩu. Xuất phát từ mục đích của việc đánh thuế chống bán phá giá nói trên, khoản 3 Điều 9 của ADA quy định: “Mức thuế chống bán phá giá

~~không được phép vượt quá biên độ bán phá giá được xác định theo như Điều 2~~”. Tức là thuế suất thuế chống bán phá giá sẽ bằng hoặc thấp hơn biên độ phá giá. Ngay cả khi việc áp dụng mức thuế suất thuế chống bán phá giá bằng với biên độ phá giá cũng không đủ để loại bỏ mức chênh lệch về giá (nói cách khác, không đủ để loại bỏ tổn hại gây ra cho ngành sản xuất hàng hoá tương tự của quốc gia nhập khẩu) thì cũng không thể áp dụng mức thuế suất vượt quá biên độ phá giá. Trái lại, nếu thiệt hại có thể được loại bỏ bằng việc áp dụng mức thuế thấp hơn biên độ phá giá thì có thể áp dụng mức thuế đủ để loại bỏ tổn hại này.

Phù hợp với quy định của ADA, khoản 1 Điều 5 Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu của Việt Nam quy định: “Biện pháp chống bán phá giá chỉ được áp dụng ở mức độ cần thiết, hợp lý nhằm ngăn ngừa hoặc hạn chế thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước”. Cụ thể hoá nguyên tắc này, Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam quy định cụ thể: thuế suất thuế chống bán phá giá không được vượt quá biên độ bán phá giá trong kết luận sơ bộ (đối với thuế chống bán phá giá tạm thời) hoặc trong kết luận cuối cùng (đối với thuế chống bán phá giá chính thức).⁽⁹⁾ Theo điểm 2 mục III Thông tư số 106/2005/TT-BTC ngày 5/12/2005 của Bộ Tài chính, phương pháp tính thuế chống bán phá giá được quy định như sau:

$$\text{Thuế chống bán phá giá} = \frac{\text{Số lượng hàng hoá nhập khẩu bị áp dụng thuế chống bán phá giá}}{\text{Giá tính thuế}^{(10)}} \times \text{Thuế suất}^{(11)}$$

- Về thời hạn áp đặt thuế: Theo Điều 11 của ADA, thuế chống bán phá giá sẽ có hiệu lực cho tới khi cần thiết để chống lại các trường hợp bán phá giá gây thiệt hại trong nước. Các cơ quan hữu quan sẽ xem xét lại yêu cầu tiếp tục duy trì thuế chống bán phá giá trong trường hợp thấy cần thiết hoặc trên cơ sở đề nghị của các bên có liên quan đã cung cấp thông tin tích cực, đủ để đề nghị xem xét lại với điều kiện là khoảng thời gian hợp lí đã hết kể từ khi chính thức áp dụng thuế chống bán phá giá. Thông thường, thuế chống bán phá giá sẽ chấm dứt hiệu lực không muộn hơn 5 năm kể từ khi được áp dụng, trừ khi các cơ quan hữu quan ra quyết định rằng việc hết hạn hiệu lực có thể dẫn tới sự tiếp tục cũng như tái phát sinh hiện tượng phá giá và các thiệt hại.

Phù hợp với quy định trên, Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam quy định thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá không quá 5 năm kể từ ngày có quyết định áp dụng biện pháp chống bán phá giá. Đây là khoảng thời gian đủ để các nhà sản xuất hoặc xuất khẩu hàng hoá thuộc đối tượng chịu thuế có thể điều chỉnh mức giá bán hợp lí, loại trừ những ảnh hưởng tiêu cực của hàng hoá nhập khẩu phá giá vào thị trường Việt Nam, đủ để loại bỏ những thiệt hại đến ngành sản xuất trong nước. Tuy nhiên, trong trường hợp các nhà sản xuất hoặc xuất khẩu hàng hoá mặc dù đang bị áp dụng biện pháp chống bán phá giá nhưng vẫn tiếp tục bán phá giá, gây ra hoặc đe dọa gây ra thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất trong nước thì thời hạn áp dụng thuế chống bán phá giá có thể được gia

hạn trong trường hợp Bộ trưởng Bộ công thương ra quyết định rà soát việc áp dụng thuế chống bán phá giá theo quy định tại Chương IV của Pháp lệnh.⁽¹²⁾

4. Từ năm 1994 đến nay, hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam đã là đối tượng của hàng chục vụ kiện và bị áp đặt thuế chống bán phá giá ở nhiều thị trường nước ngoài nhưng tại thị trường trong nước, chúng ta chưa khởi xướng bất cứ vụ điều tra chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu nào vào Việt Nam. Vì vậy, thuế chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam vẫn là sắc thuế nằm trên giấy, chưa được áp dụng vào bất cứ vụ việc thực tiễn nào. Có nhiều nguyên nhân dẫn đến thực trạng này mà trước hết là những nguyên nhân như 1) Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam mới dừng lại ở việc thiết lập khung pháp lí mang tính nguyên tắc về chống bán phá giá, còn nhiều vấn đề mang tính pháp lí và kĩ thuật về chống bán phá giá chưa được quy định hoặc đã được quy định nhưng thiếu tính cụ thể và rõ ràng chẳng hạn như vấn đề xác định giá thông thường, giá xuất khẩu, phương pháp so sánh để tính toán biên độ phá giá, thủ tục và trình tự điều tra...; 2) Năng lực của cơ quan điều tra chống bán phá giá ở Việt Nam chưa đáp ứng yêu cầu và đòi hỏi của thực tiễn các vụ điều tra chống bán phá giá phức tạp; 3) Hiệp hội và các doanh nghiệp sản xuất trong nước còn chưa ý thức được nhiều ý nghĩa và tác dụng của các biện pháp chống bán phá vì vậy họ còn thiếu tính liên kết, tính tích cực và chủ động tham gia vào các vụ kiện chống bán phá giá; 4) Các vụ kiện chống bán phá giá không chỉ liên quan đến

lợi ích thương mại thông thường mà còn bị ảnh hưởng bởi quan hệ về chính trị giữa các đối tác. Trong môi quan hệ này, các quốc gia có tiềm lực kinh tế mạnh luôn có lợi thế và có thể tác động mạnh đến các quốc gia có tiềm lực kinh tế yếu hơn. Vì thế, nếu hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam bị nước ngoài điều tra áp dụng thuế chống bán phá giá thì chúng ta cũng khó có thể gây sức ép chính trị hoặc áp dụng các biện pháp “trả đũa thương mại” đối với họ nhưng nếu chúng ta chủ động tiến hành điều tra áp dụng thuế chống bán phá giá đối với hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam thì quốc gia có hàng hoá nhập khẩu bị điều tra có thể sẽ dùng sức ép chính trị hoặc đe dọa áp dụng các biện pháp “trả đũa thương mại” để buộc chúng ta phải nhượng bộ... Tuy nhiên, vào thời điểm hiện nay, Việt Nam đã là thành viên của WTO nên một mặt Việt Nam phải thực hiện nghiêm túc các cam kết về việc mở cửa thị trường, từng bước dỡ bỏ các hàng rào thuế quan và phi thuế quan, mặt khác Việt Nam cũng cần phải nhanh chóng khắc phục những nguyên nhân nói trên để tích cực và chủ động sử dụng các biện pháp chống bán phá giá như là một trong những biện pháp bảo hộ mới phù hợp với các quy định của WTO để bảo vệ thị trường nội địa, loại bỏ sự cạnh tranh không công bằng và các tác động tiêu cực có thể gây ra cho các nhà sản xuất trong nước./.

- (1). Theo WTO, các biện pháp phòng vệ thương mại bao gồm: biện pháp chống bán phá giá, biện pháp chống trợ cấp (thuế đối kháng) và biện pháp tự vệ.
- (2). Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được ban hành năm 1992 và được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất năm 1993, 1998. Hiện nay, Luật thuế xuất khẩu, thuế

nhập khẩu nói trên đã được thay thế bằng Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2005.

- (3). Xem: Khoản 1 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 1998.
- (4). Xem: Khoản 2 Điều 11 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2005.
- (5). Xem: Khoản 1 Điều 2 Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam.
- (6). Xem: Trường Đại học Luật Hà Nội, “*Giáo trình luật thuế Việt Nam*”, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2005, tr.126-128.
- (7). Xem: ThS. Đoàn Trung Kiên, “*Vấn đề xác định hàng hoá bị bán phá giá nhập khẩu vào thị trường Việt Nam*”, Tạp chí luật học số 5/2006, tr. 40-46.
- (8). Xem: Khoản 1 Điều 22 Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam.
- (9). Xem: Khoản 2 Điều 20 và khoản 2 Điều 22 Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam.
- (10). Theo điểm 1.2 mục III Thông tư của Bộ tài chính số 106/2005/TT-BTC ngày 5/12/2005, giá tính thuế được thực hiện theo quy định như đối với thuế nhập khẩu.
- (11). Về nguyên tắc, ADA quy định cơ quan điều tra sẽ tiến hành điều tra và tính toán biên độ bán phá giá riêng cho mỗi nhà sản xuất, xuất khẩu sản phẩm đang bị điều tra. Trong trường hợp có nhiều nhà sản xuất, xuất khẩu liên quan đến việc điều tra khiến việc điều tra đối với tất cả các chủ thể đó không thể tiến hành được thì cơ quan điều tra có thể hạn chế phạm vi điều tra trong số lượng nhất định các nhà sản xuất, xuất khẩu mà các cơ quan này lựa chọn. Biên độ phá giá sẽ được tính riêng cho từng nhà sản xuất, xuất khẩu được lựa chọn để điều tra. Những nhà sản xuất, xuất khẩu không được lựa chọn để điều tra nhưng đã cung cấp những thông tin cần thiết, kịp thời để có thể xem xét trong quá trình điều tra vẫn sẽ được xác định biên độ phá giá riêng trừ khi số lượng các chủ thể này là quá lớn khiến việc điều tra trở nên quá nặng và cản trở khả năng cơ quan điều tra có thể hoàn thành quá trình điều tra đúng thời hạn. Đối những nhà sản xuất, xuất khẩu không được điều tra còn lại, biên độ phá giá sẽ được ấn định không cao hơn biên độ phá giá bình quân gia quyền của nhà sản xuất, xuất khẩu được lựa chọn để điều tra.
- (12). Xem: Khoản 3 và khoản 4 Điều 22 Pháp lệnh chống bán phá giá hàng hoá nhập khẩu vào Việt Nam.